

BÁO CÁO

sơ kết giữa nhiệm kỳ Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động Tỉnh ủy về
*“Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng
nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2025”*

Qua triển khai thực hiện Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy Bình Định về *“Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 – 2025”*, Huyện ủy Tuy Phước báo cáo kết quả đạt được một số nội dung như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện

Công tác phổ biến, quán triệt, các chủ trương, mục tiêu, giải pháp của Chương trình hành động của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về thực hiện phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020-2025, được các cấp ủy, phòng, ban ngành, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong huyện tập trung quan tâm chỉ đạo, tổ chức phổ biến, quán triệt sâu rộng đến cán bộ, công chức, đảng viên, người lao động và các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức, chuyên sâu về nội dung như: phát thanh trên đài truyền thanh xã; thông qua qua các buổi họp thôn, xóm, ban quân dân chính thôn ...

Công tác cụ thể hóa, sau khi Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động, Huyện ủy Tuy Phước đã xây dựng kế hoạch số 26-KH/HU ngày 14/12/2021 về thực hiện Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy Bình Định *“Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 – 2025”*, trên cơ sở đó UBND huyện đã ban hành Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 về ban hành kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 26-KH/HU ngày 14/12/2021 của Huyện ủy Tuy Phước; Kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng chương trình trọng tâm để thực hiện Chương trình hành động; Phân công từng đồng chí chịu trách nhiệm theo chức trách nhiệm vụ của lĩnh vực phụ trách.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện, Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn ban hành các kế hoạch thực hiện, trong đó đánh giá thực trạng, đề ra mục tiêu, giải pháp thực hiện, cụ thể hóa vào Nghị quyết HĐND và UBND và đề ra nhiệm vụ từng năm để tổ chức thực hiện.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền

Sau khi ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Huyện ủy đã triển khai quán triệt đến cán bộ, đảng viên và lãnh đạo chủ chốt trong huyện. Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn đã xây dựng Kế hoạch và triển khai quán triệt trong cán bộ, đảng viên về mục đích, ý nghĩa về “*Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 – 2025*”. Theo đó, công tác triển khai, quán triệt Kế hoạch được các cấp ủy, các ngành, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, hình thức đa dạng, nội dung phong phú; công tác tuyên truyền đi vào chiều sâu, gắn với tuyên truyền cơ chế, chính sách về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện. Chỉ đạo tăng cường tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở nhằm chuyển tải kịp thời nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động đến với người dân.

Công tác tuyên truyền Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động đã nâng cao nhận thức, chuyển biến hành động của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp, cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn huyện.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Hàng năm, Huyện ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy, đồng thời đưa nội dung kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện chương trình vào kiểm tra, giám sát hàng năm, hoặc lồng ghép trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, quyết định của Đảng về công tác phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Qua đó, phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế và đề ra các giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả hơn trong thời gian đến.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả chủ yếu

- Giá trị sản xuất Nông – Lâm – Ngư nghiệp (giá so sánh năm 2010) tăng bình quân giai đoạn 2020-2022 là 3,58%/năm, đạt 102,28 so Kế hoạch (KH 2025 3,5%);

- Trồng trọt: Tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt: 102.390,2 tấn¹ (năm 2022), đạt 101,08%. (KH 2025: 101.300 tấn). Vụ Đông Xuân 2022-2023: Tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt: 56.301,5 tấn², đạt 100,97% kế hoạch sản lượng lương thực vụ Đông Xuân 2022-2023 và đạt 53,11% kế hoạch sản lượng lương thực năm 2023. Diện tích lúa có áp dụng IPM đạt trên 70% diện tích; áp dụng quy trình thâm canh lúa cải tiến (SRI) ước đạt 1.000 ha, đạt 71,43%. (KH 2025 1.400 ha). Diện tích trồng rau an toàn ước đạt 300 ha, đạt 100% (KH 2025 300 ha); trong đó, diện tích đã chứng nhận VietGap là 15 ha, đạt 100% (KH 2025

¹ Sản lượng cây lúa 100.235,5 tấn và cây ngô 2.154,7 tấn.

² Sản lượng cây lúa 55.077 tấn và cây ngô 1.224,5 tấn.

15 ha).

- Chăn nuôi: Tổng đàn bò đạt 14.610 con³ (KH 2025 16.000 con); tỷ lệ lai hóa đàn bò đạt 90% (KH 2025 95%). Đàn heo đạt 32.400 con⁴ (KH 2025 40.000 con). Tiếp tục chăn nuôi lợn theo hướng nạc hóa và an toàn sinh học, thân thiện với môi trường. Đàn gia cầm đạt 2.138.000 con⁵ (KH 2025 2.200.000 con), ứng dụng công nghệ 4.0 tại 02 cơ sở chăn nuôi “Gà Minh Dư” mang tầm quốc tế, tạo sản phẩm sạch, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Thủy sản: Tổng sản lượng thủy sản đạt: 4.686 tấn⁶, diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh, bán thâm canh ứng dụng công nghệ cao nuôi tôm 2- 3 giai đoạn 01 ha (KH 2025 là 10 ha).

- Lâm nghiệp: Diện tích đất lâm nghiệp 2.863 ha⁷. Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 13,04% (KH 2025 14%).

- Xây dựng nông thôn mới: Duy trì và nâng cao các tiêu chí huyện nông thôn mới; có 03/06 xã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao trong năm 2022⁸ đạt tỷ lệ 50%, có 02 xã đạt đô thị loại V (xã Phước Sơn, Phước Lộc); chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có 11 sản phẩm OCOP cấp tỉnh được công nhận đạt tỷ lệ 110% (mục tiêu năm 2025 10 sản phẩm); có 03 Hợp tác xã được thành lập mới (KH 2025 9 HTX thành lập mới).

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ

2.1. Công tác chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ và sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao

- Thực hiện chuyển giao kỹ thuật và nhân rộng thực hiện các quy trình canh tác lúa tiên tiến như: Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), thâm canh cây lúa cải tiến (SRI) vào sản xuất cây lúa, góp phần hạn chế sâu bệnh, nâng cao năng suất, giảm chi phí và bảo vệ môi trường. Hiện nay, sử dụng 99% giống lúa cấp xác nhận để gieo sạ; các loại cây trồng cạn như, lạc, ngô... trồng mới sử dụng giống đúng tiêu chuẩn. Thông qua việc chuyển giao KHKT, nhiều giống cây trồng mới đã được đưa vào sản xuất, như: BC15, VNR20, Q5, Đài Thơm 8... đã khẳng định được ưu thế vượt trội, mang lại năng suất, sản lượng và giá trị kinh tế cao. Thực hiện 100% cơ giới hóa trong khâu làm đất và thu hoạch, tạo điều kiện lao động nông nhân cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tăng thu nhập cho hộ gia đình nông dân.

- Phát triển đàn bò: Tiếp tục sử dụng tinh bò Zêbu để lai tạo nâng cao chất

³ Bò thịt chất lượng cao 4.383 con, chiếm 30% tổng đàn

⁴ Chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao đạt 9.525 con, chiếm 29,4% (KH 2025 35%).

⁵ Chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao 763.260 con, chiếm 35,7% (KH 2025 35%).

⁶ Sản lượng nuôi trồng 1.746 tấn (KH 2025: 2.100 tấn); sản lượng khai thác thủy sản 2.940 tấn (KH 2025 1.900 tấn).

⁷ Rừng sản xuất 2.524,3 ha, rừng phòng hộ 338,7 ha.

⁸ 03 xã Phước Sơn, Phước Quang và Phước Nghĩa.

lượng đàn bò; đồng thời tổ chức phối giống tinh bò đực giống cao sản chuyên thịt như BBB, Red Angus... cho đàn bò cái nên lai để tạo ra những con lai nuôi thịt chất lượng cao, tỷ lệ bò lai ước đạt 90%; số lượng bê thịt chất lượng cao được sinh ra mỗi năm đảm bảo hiệu quả cho phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ trên địa bàn huyện, đàn bê lai sinh ra phát triển tốt. Các giống bò thịt thuộc dự án chăn nuôi bò chất lượng cao tăng trọng nhanh, khả năng sử dụng thức ăn tốt, phẩm chất thịt chất lượng, tỷ lệ thịt xẻ đạt cao, mang lại hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi.

- Phát triển đàn heo: Số lượng đàn heo đạt 32.400 con; tỷ lệ heo hướng nạc chiếm 90% tổng đàn. Chuyển dần từ chăn nuôi heo nhỏ lẻ nông hộ sang chăn nuôi gia trại, trang trại; từng bước hỗ trợ các hộ chăn nuôi heo phát triển theo hướng chăn nuôi công nghiệp, có kiểm soát, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, an toàn sinh học, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Chăn nuôi theo hướng an toàn, hiệu quả, đưa các giống lợn ngoại cao sản vào sản xuất trực tiếp.

- Phối hợp tổ chức tập huấn nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh ứng dụng công nghệ cao nuôi tôm 2-3 giai đoạn, nuôi tôm theo công nghệ Semi-Bioloc cho người nuôi tôm 4 xã ven đầm Thị Nại. Triển khai 01 ha nuôi tôm thẻ chân trắng 3 giai đoạn siêu thâm canh bằng công nghệ cao tại xã Phước Hòa đạt hiệu quả kinh tế cao.

2.2. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a. Trồng trọt

Đẩy mạnh phát triển ứng dụng công nghệ cao, hiện đại, sạch, hữu cơ thích ứng với biến đổi khí hậu và gắn với liên kết chuỗi giá trị nông sản.

Diện tích gieo trồng cả năm 14.540 ha. Tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt: 102.390,2 tấn⁹. Vụ Đông Xuân 2022-2023: Tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt: 56.301,5 tấn¹⁰, đạt 100,97% kế hoạch sản lượng lương thực vụ Đông Xuân 2022-2023 và đạt 53,11% kế hoạch năm 2023. Diện tích lúa có áp dụng IPM đạt trên 70% diện tích; áp dụng quy trình thâm canh lúa cải tiến (SRI) ước đạt 1.000 ha, đạt 71,43%. (KH 2025 1.400 ha); triển khai quy hoạch vùng sản xuất lúa chất lượng cao 3.800 ha, trong đó: liên kết theo chuỗi giá trị 1.000ha/năm, với giá bán lúa giống tăng hơn 20-25% và sản lượng cung ứng trên 5.000 tấn giống/năm, đã làm tăng thêm thu nhập của người nông dân 3-5 triệu đồng/ha.

Đến năm 2023 huyện Tuy Phước được UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ thực hiện 07 cánh đồng, dự án liên kết sản xuất lúa giống, trong đó 04 cánh đồng lớn với diện tích 420 ha¹¹, 03 dự án liên kết sản xuất giống với diện tích 326 ha¹². Đến

⁹ Sản lượng cây lúa 100.235,5 tấn (Năng suất bình quân 71 tạ/ha) và cây ngô 2.154,7 tấn (Năng suất bình quân 61 tạ/ha), đạt 101,08%. (KH 2025: 101.300 tấn).

¹⁰ Sản lượng cây lúa 55.077 tấn và cây ngô 1.224,5 tấn.

¹¹ Phước Hưng 100 ha, Phước Quang 120 ha, Phước Sơn 100 ha, Phước Lộc 100 ha.

¹² Phước Hiệp 126 ha, Phước Thắng 100 ha, Phước Thuận 100 ha.

hết vụ Đông Xuân 2022 - 2023 các dự án này đã kết thúc hỗ trợ, người nông dân tự duy trì sản xuất.

UBND huyện phê duyệt 02 kế hoạch liên kết và sản xuất lúa giống thời gian 03 vụ sản xuất bắt đầu từ vụ Đông Xuân 2022-2023 tại 02 HTXNN thuộc xã Phước Sơn với diện tích 47,5 ha¹³ và 02 kế hoạch hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất: Phun thuốc BVTV bằng công nghệ DRON trên đồng ruộng trong vụ Đông Xuân 2022-2023 tại xã Phước Hưng và xã Phước Quang, với diện tích 235,26 ha¹⁴.

- Đối với rau

+ Phối hợp với các địa phương duy trì và phát triển 02 vùng sản xuất rau đạt tiêu chuẩn VietGap ở các xã Phước Hiệp và Phước Sơn tổng diện tích 15 ha có 308 hộ dân tham gia; Duy trì nhãn hiệu “*Lá lành*” tại Phước Hiệp, kết nối tiêu thụ trong hệ thống siêu thị và các quầy bán rau an toàn trên địa bàn huyện và nội thành thành phố Quy Nhơn, sản lượng tiêu thụ ổn định bình quân trên 6-7 tấn/tháng.

+ Chuyển giao các mô hình ứng dụng công nghệ cao phù hợp như tưới thấm, tưới phun sương, áp dụng kỹ thuật canh tác an toàn vệ sinh thực phẩm, xây dựng thương hiệu cho các vùng chuyên canh trọng điểm, vùng trồng rau an toàn là 300 ha, tập trung ở các xã: Phước Hiệp, Phước Nghĩa, Phước Lộc, Phước An, Phước Hưng, Phước Sơn, Phước Quang, Phước Thuận, Phước Nghĩa, TT Điều Trì, TT Tuy Phước. Tổ chức tập huấn quy trình canh tác rau an toàn; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tuân thủ các quy định trong canh tác rau theo hướng an toàn. Đã tổ chức tập huấn 15 lớp với 850 lượt nông dân tham gia.

- Đối với hoa

Diện tích trồng hoa, hoa kiểng: 135 ha, tập trung ở các xã Phước Lộc, Phước Hiệp, Phước Hòa, Phước Hưng, trồng các loại hoa kiểng được xác định chủ lực gồm: Cây hoa (như: hoa cúc, đồng tiền, hoa lan, cát tường, hoa hồng, cẩm chướng, hoa sen...), cây kiểng (như: đỗ quyên, lưỡi hổ, phú quý, kim tiền, xương rồng, sen đá, đuôi công...), cây bonsai như: mai vàng, mai chiếu thủy, nguyệt quế, hoa giấy, lộc vùng, mẫu đơn. Hiện nay trên địa bàn xã Phước Hưng có mô hình sản xuất cây hoa giống và trồng hoa ứng dụng công nghệ tưới tự động với quy mô hơn 1 ha hàng năm cung cấp hơn 5 triệu cây giống hoa và 15.000 chậu hoa các loại cho thị trường trong và ngoài tỉnh.

Hiện nay UBND tỉnh đã phê duyệt đề án phát triển làng nghề trồng hoa Bình Lâm, xã Phước Hòa. Có 201 hộ trồng hoa, tổng diện tích hoa 7,55 ha, hàng năm xuất khoảng 58.830 chậu hoa, ước đạt 20,5 tỷ đồng/năm. Cùng với sự quan tâm, hỗ trợ của các Sở, ngành của tỉnh, huyện Tuy Phước đã tập trung xây dựng thành công 05 mô hình trồng hoa kiểng; chọn 06 nông dân vào Làng hoa Sa Đéc Đồng Tháp,

¹³ Phước Sơn I 25 ha, Phước Sơn II 22,5 ha.

¹⁴ Phước Hưng 149 ha, Phước Quang 86,26 ha.

Chợ Lách Bến Tre để học tập kinh nghiệm và kết nối thị trường tiêu thụ; Thành lập HTX dịch vụ hoa cây kiểng Bình Lâm, gồm 10 thành viên, vốn góp 100 triệu đồng; đang đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường từ ĐT 640 đến tháp Bình Lâm, chỉnh trang lại các tuyến đường trong khu vực làng nghề. Hỗ trợ HTX xây dựng các mô hình trồng hoa ứng dụng công nghệ cao như: Trồng hoa trong nhà màng, tổ chức từ 1 - 2 lớp đào tạo nghề về trồng, chăm sóc và tạo dáng hoa cây cảnh.

Đang lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 làng nghề trồng hoa Bình Lâm để làm cơ sở đầu tư xây dựng các hạng mục công trình thuộc Đề án Phát triển làng nghề trồng hoa Bình Lâm.

b. Chăn nuôi

Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, tập trung phát triển các đối tượng nuôi chủ lực của huyện: heo, bò, gà.

- Đối với bò: Số lượng đàn bò đạt 14.610 con, trong đó bò thịt chất lượng cao 4.383 con, chiếm 30% tổng đàn, tỷ lệ bò lai đạt trên 90% (KH 2025 95%) so tổng đàn. Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ giai đoạn 2021 - 2025 gắn với phát huy nhãn hiệu “Bò thịt chất lượng cao Bình Định” nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động chuỗi liên kết sản xuất bò thịt chất lượng cao.

Thực hiện Quyết định số 86/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai mô hình bò thịt chất lượng cao, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện triển khai mô hình nhóm nông dân cùng sở thích chăn nuôi bò thịt đủ điều kiện sử dụng “Nhãn hiệu chứng nhận bò thịt chất lượng cao Bình Định” tại Phước An, Phước Thành với quy mô 260 con/38 hộ, lợi nhuận thu được từ 8-10 triệu đồng/con với chu kỳ nuôi đến xuất chuồng từ 21-24 tháng tuổi.

- Đối với heo: đạt 32.400 con, sản lượng thịt lợn 4.552,5 tấn. Chuyển dần từ chăn nuôi heo nhỏ lẻ nông hộ sang chăn nuôi gia trại, trang trại; từng bước hỗ trợ các hộ chăn nuôi heo phát triển theo hướng chăn nuôi công nghiệp, có kiểm soát, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, an toàn sinh học, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Ứng dụng công nghệ cao để đầu tư, nâng cấp xây dựng trang trại chăn nuôi tự động, khép kín, thân thiện với môi trường.

- Đối với gia cầm: đạt 2.138.000 con, trong đó chăn nuôi gà ứng dụng công nghệ cao chiếm 40%. Đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao để đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi gà hiện đại, tiên tiến, tạo sản phẩm sạch, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm; Ứng dụng công nghệ 4.0 tại 02 trang trại chăn nuôi “Gà Minh Dư” tạo sản phẩm sạch, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm tiếp tục được phát triển. Trang trại đã thực hiện thành công lai tạo, chọn giống "3 tổ hợp lai các giống gà nội Minh Dư Bình Định (MD1.BĐ, MD2.BĐ, MD3.BĐ)". Các tổ hợp này đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn công nhận tiên bộ kỹ thuật, công nghệ mới; Bộ Khoa học và công nghệ cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ cao.

- Công tác giám sát và phòng trừ dịch bệnh: UBND huyện chỉ đạo các ngành và UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác giám sát và phòng chống dịch bệnh động vật, tổ chức tiêm phòng vắc xin gia súc, gia cầm đạt chỉ tiêu tỉnh giao nên trong 02 năm vừa qua tình hình dịch bệnh được kiểm soát, không phát sinh ổ dịch.

c. Thủy sản

- Về khai thác hải sản

Tổ chức tốt khai thác hải sản bền vững, bảo vệ tốt nguồn lợi thủy sản, đạt mức tăng trưởng vừa phải, chú trọng đến nâng cao chất lượng bảo quản sản phẩm sau khai thác nhằm tăng giá trị, giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Về nuôi trồng thủy sản

+ Đối với diện tích dưới đê Đông thuộc vùng hạ triều diện tích khoảng 790 ha, phát triển nuôi thâm thiện với môi trường, đa dạng hóa vật nuôi thủy, hải sản vùng dưới đê gắn phát triển du lịch sinh thái trên đầm Thị Nại.

+ Đối với diện tích trên đê Đông, diện tích khoảng 80 ha thuộc vùng cao triều phát triển theo hình thức nuôi thâm canh, bán thâm canh trên cơ sở ứng dụng các tiên bộ kỹ thuật vào sản xuất để tăng năng suất và đảm bảo môi trường sinh thái; xây dựng các chi Hội nuôi có nội quy, quy chế quản lý cộng đồng, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình kỹ thuật trong quá trình nuôi; tăng cường sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, phòng trừ dịch bệnh.

+ Đang triển khai 01 ha nuôi tôm thẻ chân trắng 3 giai đoạn siêu thâm canh bằng công nghệ cao tại xã Phước Hòa, mục tiêu hạn chế dịch bệnh phát sinh, giảm thiểu chất thải ra môi trường xung quanh, nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích.

+ Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh tổ chức lớp tập huấn nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh ứng dụng công nghệ cao Semi-Biofloc cho người nuôi tôm 4 xã ven đầm Thị Nại.

d. Lâm nghiệp

- Diện tích đất lâm nghiệp 2.858,87¹⁵ha.

- Áp dụng công nghệ nuôi cấy mô giống cây trồng lâm nghiệp. Trên địa bàn huyện có 02 cơ sở ứng dụng sản xuất nuôi cấy mô để ươm giống cây lâm nghiệp¹⁶, cây giống sản xuất ra được người tiêu dùng đánh giá cao, chất lượng tốt đáp ứng yêu cầu của người dân.

¹⁵ Rừng sản xuất 2.520,19 ha, rừng phòng hộ 338,68 ha.

¹⁶ Công ty Giống cây trồng Nguyên Hạnh và Công ty Giống lâm nghiệp Vũ Hà.

2.3. Huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

- Tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi, hệ thống đê sông đê biển hoàn thiện kiên cố với chiều dài 77.44km (cả đê sông và đê biển), giai đoạn 2021-2023 phục vụ sản xuất, dân sinh và phòng chống thiên tai, diện tích gieo trồng cây hàng năm được tưới là 96,3%.

- Tổ chức triển khai xây dựng kiên cố hoá kênh mương giai đoạn 2021-2022: đã thực hiện 55,1 km (KH 2025 100 km) theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- UBND huyện đã có Quyết định số 9105/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 hỗ trợ kinh phí cho xã Phước Hiệp xây dựng nhà máy sấy lúa cho HTX NN Phước Hiệp với kinh phí 452 triệu đồng; Quyết định 358/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 hỗ trợ kinh phí cho xã Phước Sơn xây dựng nhà máy sấy lúa cho HTX NN Phước Sơn I với kinh phí 422 triệu đồng. Đến năm 2022 có 05 nhà máy sấy lúa được hỗ trợ xây dựng trên địa bàn huyện¹⁷ công suất từ 30 đến 40 tấn/mẻ sấy (20-24 giờ); 02 nhà máy sấy đang được hỗ trợ xây dựng ở các HTX NN Phước Sơn I, Phước Hiệp và 01 nhà kho kinh doanh giống, vật tư nông nghiệp ở Phước Thành.

2.4. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

- Năm 2022 có 03 xã (*Phước Nghĩa, Phước Sơn, Phước Quang*) hoàn thành 19/19 tiêu chí nông thôn mới nâng cao, được UBND tỉnh công nhận.

- Thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP): Trong năm 2022, đã tổ chức đánh giá, xếp hạng sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP cho 08 sản phẩm OCOP cấp tỉnh (đạt 3 sao), trong đó, công nhận mới 07 sản phẩm và công nhận lại 01 sản phẩm; nâng tổng số sản phẩm công nhận đạt tiêu chuẩn OCOP cấp tỉnh là 11 sản phẩm (đạt hạng 3 sao). Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đã góp phần phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị. Việc này đã góp phần giải quyết được lực lượng lao động địa phương, nguồn nguyên liệu tại chỗ và được cấp chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm. Sau khi được công nhận cơ hội vươn ra các thị trường ngoài tỉnh tăng lên góp phần tăng thu nhập cho người lao động. Đó là động lực, là giải pháp triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã nông nghiệp chuyên ngành theo sản phẩm, ngành hàng có lợi thế, có vùng nguyên liệu trên cơ sở tự nguyện, có nhu cầu của địa phương. Đến nay trên địa bàn huyện đã thành lập mới 03 HTXNN¹⁸.

¹⁷ Tại các HTXNN: Phước Hưng, Phước Sơn II, Phước Thuận, Phước Lộc, Phước Thắng.

¹⁸ HTXNN hữu cơ Lộc Tín (Phước Lộc), HTX Sản xuất- Thương mại- Dịch vụ nông nghiệp Hưng Lộc (Phước Hưng) và HTX dịch vụ hoa cây kiểng Bình Lâm (Phước Hòa).

- Tăng cường tuyên truyền, quảng bá sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là các sản phẩm OCOP. Tham gia Hội chợ sản phẩm OCOP định kỳ hằng năm.

2.5. Tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực, lao động nông thôn

- Tổ chức đào tạo nghề phù hợp cho lao động nông thôn gắn với các tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Từ năm 2020 đến nay đã mở được 19 lớp nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, với tổng số học viên tham gia là 650 học viên.

- Có 850 lao động trực tiếp sản xuất tại các nông hộ được tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, khoa học công nghệ tiên tiến trong trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản đối với các mô hình đã được định hướng và được lựa chọn sản xuất kinh doanh.

- Bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ cơ sở phụ trách lĩnh vực nông lâm thủy sản về nông nghiệp công nghệ cao để tham gia vận động tuyên truyền về vai trò của nông nghiệp công nghệ cao. Cán bộ phụ trách nông lâm thủy sản chỉ tập huấn, bồi dưỡng để phổ biến kiến thức, quy định về luật an toàn thực phẩm, có 30 người tham gia.

2.6. Kinh phí thực hiện:

Tổng kế hoạch nguồn vốn đầu tư lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT giai đoạn **2021-2023**: 109.760 triệu đồng, trong đó:

- + Nguồn vốn thuộc ngân sách Trung ương, tỉnh đầu tư 47.009 triệu đồng;
- + Nguồn vốn thuộc ngân sách huyện, xã đầu tư 62.751 triệu đồng;

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Đánh giá chung

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể tổ chức triển khai quán triệt, tuyên truyền Kế hoạch số 26-KH/HU về thực hiện Chương trình hành động số 11-CTr/TU của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020-2025, qua đó các cấp ủy, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn huyện đã nhận thức được tầm quan trọng của Kế hoạch về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới và đạt kết quả tốt.

- Đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương đẩy mạnh công tác chuyển giao những giống cây trồng, vật nuôi cho năng suất, chất lượng tốt, có khả năng cạnh tranh và thích ứng với biến đổi khí hậu vào sản xuất. Đẩy mạnh công tác khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đến người nông dân; các chương trình cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng lớn, dự án liên kết sản xuất tiếp tục đem lại hiệu quả cao. Các sản phẩm nông nghiệp sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, sản xuất an toàn, VietGAP... ngày càng tăng.

- Chăn nuôi tăng trưởng nhanh cả về số lượng và chất lượng, góp phần đáng kể vào gia tăng giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp; công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đã được triển khai đến người dân để cải tạo và nâng cao chất lượng giống, áp dụng quy trình chăn nuôi công nghệ cao, an toàn dịch bệnh nhằm tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

- Công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm tiếp tục được tăng cường và kiểm soát giúp người nông dân yên tâm phát triển đàn vật nuôi. Thực hiện tốt công tác tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm. Chất lượng con giống ngày càng được nâng cao, người chăn nuôi hầu hết được tiếp cận, sử dụng con giống có năng suất cao, thích ứng với điều kiện khí hậu của địa phương.

- Xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực, được các cấp, các ngành và địa phương tiếp tục quan tâm thực hiện. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 đã đi vào chiều sâu và mang tính bền vững; chú trọng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần người dân nông thôn, đã góp phần làm thay đổi cơ bản bộ mặt nông thôn theo hướng sáng, xanh, sạch, đẹp.

- Đã tranh thủ và lồng ghép các nguồn vốn để tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình giao thông, thủy lợi trên địa bàn huyện.

2. Khó khăn, tồn tại và nguyên nhân

2.1. Khó khăn, tồn tại

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa quan tâm đúng mức trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đối với công tác phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới.

- Hoạt động tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gặp nhiều khó khăn do giá cả thức ăn chăn nuôi trong thời gian qua ở mức cao (thức ăn chiếm 70% trong tổng chi phí chăn nuôi) ảnh hưởng đến việc đầu tư trong chăn nuôi và thu nhập của người chăn nuôi.

- Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả nhưng đòi hỏi cao về công nghệ, quy trình canh tác, vốn đầu tư... nên việc nhân rộng các mô hình công nghệ cao gặp khó khăn.

- Việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị rất hạn chế, thiếu bền vững.

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nên chậm triển khai và nhân rộng một số mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện.

- Tình hình hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện gặp khó khăn, do nhiều HTX còn hạn chế trong công tác tổ chức các dịch vụ, tiếp cận thị trường, tìm kiếm đối tác xây dựng liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản.

2.2. Nguyên nhân

a. Nguyên nhân khách quan

- Giá của một số nông sản giảm và khó tiêu thụ, trong khi giá nguyên liệu đầu vào tăng cao, như: Phân bón, thức ăn chăn nuôi, thủy sản, xăng, dầu... ảnh hưởng rất lớn đến phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tình hình thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và biến đổi khí hậu vẫn đang còn gây nhiều ảnh hưởng bất lợi đến sản xuất nông nghiệp, lợi nhuận trong lĩnh vực nông nghiệp thấp, rủi ro còn cao.

- Diện tích sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện nhỏ lẻ, manh mún, không tập trung khó khăn trong áp dụng công nghệ trên quy mô lớn. Quỹ đất sử dụng để đầu tư xây dựng trang trại khó khăn, chưa tạo thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp.

b. Nguyên nhân chủ quan

- Đội ngũ cán bộ làm công tác trên lĩnh vực nông nghiệp ở cơ sở còn thiếu, yếu về chuyên môn, chủ yếu là hoạt động không chuyên trách nên công tác tham mưu cho cấp ủy và chính quyền địa phương trên lĩnh vực ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao chưa chủ động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế nông nghiệp trong tình hình hiện nay.

- Trình độ, nhận thức của một số người dân còn hạn chế, chưa có kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và tìm kiếm thị trường, hiệu quả đem lại còn thấp.

3. Bài học kinh nghiệm

- Coi trọng công tác phát triển và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ tham mưu, cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp điều kiện thực tế cụ thể, có kế hoạch phân bổ nguồn lực phù hợp trong điều kiện gặp nhiều khó khăn hiện nay.

- Làm tốt công tác sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, kịp thời khen thưởng, tuyên dương những cá nhân, đơn vị có nhiều đóng góp; nhân rộng cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả của các địa phương.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp và nội dung kế hoạch thực hiện tại Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh và Quyết định 949/QĐ-UBND, ngày 15/03/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 26-KH/HU ngày 14/12/2021 của Huyện ủy về thực hiện Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy Bình Định về “*Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2025*”, cụ thể:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền đối với phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới.

2. Đẩy mạnh thực hiện tốt công tác quy hoạch, đồng thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phù hợp với các biến động của thị trường và điều kiện sản xuất gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

3. Tăng cường công tác tuyên truyền và sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao.

4. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo từng lĩnh vực phù hợp với thế mạnh, điều kiện phát triển của từng vùng.

- *Trồng trọt*: Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện phù hợp với lợi thế từng địa phương. Đẩy mạnh phát triển ứng dụng công nghệ cao, hiện đại, sạch, hữu cơ thích ứng với biến đổi khí hậu và gắn với liên kết chuỗi giá trị nông sản. Xây dựng các vùng sản xuất lúa chất lượng cao ven đê tăng giá trị sản xuất vừa kết hợp phát triển du lịch.

- *Chăn nuôi*: Tập trung chỉ đạo duy trì và phát triển chăn nuôi theo hướng hiệu quả kinh tế và bền vững; mở rộng các mô hình thức ăn chăn nuôi; trang trại, gia trại an toàn sinh học gắn với quy hoạch, xây dựng các vùng chăn nuôi tập trung. Đẩy mạnh công tác ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào chăn nuôi. Đồng thời, tăng cường công tác chuyển giao các giống vật nuôi có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất để tăng nhanh năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất, chăn nuôi. Tiếp tục phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ, giai đoạn 2021 - 2025 gắn với phát huy nhãn hiệu “*Bò thịt chất lượng cao Bình Định*”; triển khai ứng dụng công nghệ để đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi gà hiện đại, tiên tiến, tạo sản phẩm sạch, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt công tác tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- *Thủy sản*: Tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi tập trung thâm canh-bán thâm canh; xây dựng và triển khai các mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao. Tổ chức sản xuất theo hướng liên kết, xây dựng chuỗi giá trị ngành hàng tôm thẻ chân trắng. Sử dụng nguồn giống sạch, đảm bảo chất lượng;

tuân thủ nghiêm ngặt quy trình kỹ thuật nuôi. Hình thành từng vùng nuôi tập trung có nội quy, quy chế quản lý cộng đồng nhằm tăng cường sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, phòng trừ dịch bệnh.

- *Lâm nghiệp*: Tăng cường quản lý diện tích đất lâm nghiệp; nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng bằng biện pháp thâm canh rừng trồng sản xuất, sử dụng cây giống nuôi cấy mô, cây giống lâm nghiệp mới. Tiếp tục khuyến khích các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị sản xuất giống cây lâm nghiệp ứng dụng các công nghệ mới để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng cây giống.

- *Hợp tác xã nông nghiệp*: Cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện hỗ trợ thành lập mới các hợp tác xã, ở những nơi có đủ điều kiện, nông dân tự nguyện và có nhu cầu, nhằm liên kết các hộ nông dân sản xuất nhỏ lẻ, phân tán trong vùng, để thực hiện liên doanh, liên kết thông qua hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị. Phấn đấu đến năm 2025 thành lập mới 6 HTX để đạt kế hoạch đề ra.

5. Tiếp tục sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

6. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; tăng cường hỗ trợ, đầu tư máy móc, nhà kho, trang thiết bị hiện đại trong sản xuất các sản phẩm đặc trưng của địa phương, gắn với phát triển sản phẩm (OCOP).

7. Nâng cao năng lực, vai trò, hiệu quả hoạt động của các tổ chức hợp tác của nông dân, hợp tác xã trong việc tổ chức sản xuất theo chuỗi từ cung cấp dịch vụ đầu vào, bảo quản, chế biến nông sản và tiếp cận thị trường. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; trong đó, tăng cường khuyến khích, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện, xác định doanh nghiệp giữ vai trò là trụ cột, nòng cốt, dẫn dắt, đưa khoa học, công nghệ, trình độ quản lý vào chuỗi giá trị./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Đồng chí Đoàn Văn Phi - Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh,
- Các Ban của Tỉnh ủy,
- Huyện ủy viên,
- HĐND, UBND huyện,
- Các Ban của Huyện ủy và TTCT huyện,
- MT và các hội đoàn thể,
- Các tổ chức cơ sở đảng,
- Lưu VPHU.

T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ



Nguyễn Văn Hùng

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NGÀNH NÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Báo cáo số 230-BC/HU, ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Huyện uỷ Tuy Phước)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện giai đoạn 2021- 6 tháng năm 2023			Ước thực hiện từ năm 2021 đến hết tháng 6/2023	Kế hoạch nhiệm kỳ 2021-2025	So sánh KQ giai đoạn 2021-6/2023 với KH nhiệm kỳ 2021-2025	Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Ước thực hiện 6 tháng năm 2023				
A	TRỒNG TRỌT								
I	Cây hàng năm								
1	Lúa								
-	Diện tích	Ha	14.930,50	14.673,20	7.402,80	14.802,6	14.100	105,0	
-	Năng suất	Tạ/ha	71,10	68,30	74,40	85,5	71,00	120,5	
-	Sản lượng	Tấn	106.215,10	100.235,50	55.079,70	104.612,1	100.110	104,5	
2	Ngô					-			
-	Diện tích	Ha	356,1	351,8	197,50	362,2	350	103,5	
-	Năng suất	Tạ/ha	61,40	61,2		49,0	61,14	80,2	
-	Sản lượng	Tấn	2.184,60	2154,7	1.224,50	2.225,5	2.140	104,0	
4	Lạc					-			
-	Diện tích	Ha	266,3	262,4	203,46	292,9	250	117,1	
-	Năng suất	Tạ/ha	31,3	31		24,9	31	80,4	
-	Sản lượng	Tấn	834	814,1	630,70	911,5	775	117,6	
5	Rau các loại					-			
-	Diện tích	Ha	2143,6	2202,6	1.466,60	2.325,1	2.150	108,1	
-	Năng suất	Tạ/ha	164,8	165,4	114,60	177,9	165,02	107,8	
-	Sản lượng	Tấn	35.318,9	36.432,8	16.807,00	35.423,5	35.480	99,8	
B	CHĂN NUÔI								
1	Tổng đàn								
1	Bò	Con	15.131	15.550	14.610	14.610	16.000	91,3	
2	Lợn	Con	37.142	39.050	32.400	32.400	40.000	81,0	
3	Gia cầm	Con	1.911.400	1.904.100	2.138.000	2.138.000	2.200.000	97,2	
-	Trong đó: gà	Con	1.615.400	1.580.400	1.753.100	1.753.100	1.804.000	97,2	
C	THỦY SẢN								
1	Diện tích nuôi trồng	Ha	1120,6	898,1	816,50	945,1	810,0	116,7	
2	Tổng sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy sản	Tấn	5.302,2	4.686,0	1.881,2	4.747,8	4.000,0	118,7	
-	Sản lượng nuôi trồng	Tấn	2364,1	1746	536,50	1.858,6	2.100,0	88,5	
-	Sản lượng khai thác	Tấn	2938,1	2940	1.344,70	2.889,1	1.900,0	152,1	

Phụ lục 03: THÔNG TIN SẢN PHẨM ĐƯỢC CHỨNG NHẬN OCOP 3 SAO

(Kèm theo Báo cáo số 230-BC/HU, ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Huyện uỷ Tuy Phước)

STT	Tên sản phẩm/xã, tt	Tên chủ thể	Xếp hạng OCOP	Ngày Quyết định hết hiệu lực
I	Xã Phước Lộc			
1	Nấm Đông trùng hạ thảo tươi Lộc Tín	HTX hữu cơ Lộc Tín	3 sao	28/12/2022
2	Nấm Đông trùng hạ thảo khô Lộc Tín	HTX hữu cơ Lộc Tín	3 sao	28/12/2022
3	Rượu Đông trùng hạ thảo Lộc Tín	HTX hữu cơ Lộc Tín	3 sao	28/12/2022
4	Bột Diếp cá Đông trùng hạ thảo Lộc Tín	HTX hữu cơ Lộc Tín	3 sao	28/12/2022
5	Bột Diếp cá Lộc Tín	HTX hữu cơ Lộc Tín	3 sao	28/12/2022
II	Xã Phước Nghĩa			
6	Thịt Lươn đồng	Cơ sở sản xuất Lươn giống Long Vinh	3 sao	28/12/2022
III	Xã Phước Hiệp			
7	Rau an toàn Phước Hiệp	HTX NN Phước Hiệp	3 sao	28/12//2022
IV	Xã Phước Quang			
8	Yến sào Bảo Khánh	Cơ sở Yến sào Bảo Khánh	3 sao	28/12//2022
V	Xã Phước Sơn		-	-
9	Yến sào Năm Công	Cơ sở Yến sào Năm Công	3 sao	29/12//2021
VI	Xã Phước Hưng			
10	Gạo quê Phước Hưng	HTX NN Phước Hưng	3 sao	29/12//2021
11	Dưa Lê	HTX SX-TM-DV Hưng Lộc	3 sao	04/11/2020

Phụ lục 01: CÁC CHỈ TIÊU LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP UBND HUYỆN TUY PHƯỚC
(Kèm theo Báo cáo số 230-BC/HU, ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Huyện ủy Tuy Phước)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		Kết quả giai đoạn 2021-6/2023	Kế hoạch nhiệm kỳ 2021-2025 (theo NQ)	So sánh KQ giai đoạn 2021-6/2023 với KH nhiệm kỳ 2021-2025	Ghi chú
					Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm				
1	2	3	5	6	7	8	$9=(5+6+8)/2,5$	10	$11=9/10*100$	11
I	Tổng giá trị sản xuất Nông, lâm, thủy sản (theo giá so sánh năm 2010)	Triệu đồng	2.420.173	2.503.421	2.586.710	1.302.505	2.490.439,6	2.715.397	91,7	
	Chia ra: - Nông nghiệp		2.045.200	2.113.771	2.185.386	1.086.982	2.098.381,2	2.298.544	91,3	
	- Lâm nghiệp		45.924	47.850	48.858	19.704	45.391,2	54.195	83,8	
	- Thủy sản		329.049	341.800	352.466	195.819	346.667,2	362.658	95,6	
II	Các chỉ tiêu chủ yếu									
1	Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1ha đất trồng trọt	Triệu đồng	135	140,5	141	0	137,8	150	93,7	
2	Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1ha đất nuôi trồng thủy sản	Triệu đồng	302,10	301,46	303	0	301,8	310	97,2	
3	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	108.400	102.390	105.260,0	56.304,2	106.837,8	103.700	103,0	
4	Tỷ lệ che phủ rừng	%	12,94	13,04	13,1			14	93,1	
5	Số xã đạt nông thôn mới nâng cao	xã		3	1		3	6	50,0	

